

**Phụ lục III**  
**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

**2. Phường Trần Biên**

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Rạch Cát	Cầu Ghềnh	20.300	14.200	12.200
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			8.900	6.200	5.300
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ .			4.900	3.400	2.900
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.800	2.700	2.300
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn			8.000	5.600	4.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			4.400	3.100	2.600
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			3.400	2.400	2.000
8	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Bình Khiêm	36.800	25.800	22.100
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ .			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
10	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
11	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.700	4.000	3.400
12	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900
13	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			7.400	5.200	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200m</math>.</li> </ul>					
14	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bình Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200m</math>.</li> </ul>			5.100	3.600	3.100
15	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Ngô Thị Nhậm	27.900	19.500	16.700
16	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>			14.000	9.800	8.400
17	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> </ul>			6.600	4.600	4.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
18	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			4.400	3.100	2.600
19	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			12.600	8.800	7.600
20	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			5.900	4.100	3.500
21	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bình Khiêm đến Đường Ngô Thị Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi</p>			4.000	2.800	2.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	mãng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
22	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Võ Trường Toản	21.600	15.100	13.000
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			10.200	7.100	6.100
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.900	3.400	2.900
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.800	2.700	2.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			9.200	6.400	5.500
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.400	3.100	2.600
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thị Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.400	2.400	2.000
29	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Ngã ba Gạc Nai	15.200	10.600	9.100
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ			7.600	5.300	4.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Trường Toàn đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toàn đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.200	2.900	2.500
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toàn đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			2.900	2.000	1.700
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toàn đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			6.800	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
34	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.800	2.700	2.300
35	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			2.600	1.800	1.600
36	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Ngã ba Gạc Nai	Giáp ranh phường Tân Triều	11.400	8.000	6.800
37	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			5.700	4.000	3.400
38	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông</li> </ul>			3.700	2.600	2.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>&gt;600m.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.  - Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</p>					
39	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.  - Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</p>			2.700	1.900	1.600
40	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</p>			5.100	3.600	3.100
41	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.  - Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</p>			3.300	2.300	2.000
42	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều</p>			2.400	1.700	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	18.700	13.100	11.200
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			9.000	6.300	5.400
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.700	3.300	2.800
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ .			3.500	2.500	2.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
47	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			8.100	5.700	4.900
48	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			4.200	2.900	2.500
49	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			3.200	2.200	1.900
50	Đường Võ Trường Toản	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Giáp ranh phường Tân Triều	16.600	11.600	10.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
51	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			9.500	6.700	5.700
52	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.600	3.200	2.800
53	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.200	2.200	1.900
54	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			8.600	6.000	5.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
55	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.100	2.900	2.500
56	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			2.900	2.000	1.700
57	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Hết Văn Miếu Trần Biên	15.400	10.800	9.200
58	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			9.000	6.300	5.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
59	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			4.700	3.300	2.800
60	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			3.400	2.400	2.000
61	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			8.100	5.700	4.900
62	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> </ul>			4.200	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
63	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.100	2.200	1.900
64	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ)	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	23.300	16.300	14.000
65	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.600	10.200	8.800
66	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao</li> </ul>			6.700	4.700	4.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			4.000	2.800	2.400
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			13.100	9.200	7.900
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			6.000	4.200	3.600
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào			3.600	2.500	2.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Miếu Bình Thiên cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
71	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bến dò trạm 1	14.300	10.000	8.600
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến dò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			7.800	5.500	4.700
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến dò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.400	3.100	2.600
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến dò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao			3.400	2.400	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			7.000	4.900	4.200
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			4.000	2.800	2.400
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thị Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			3.100	2.200	1.900
78	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã ba mũi tàu	Đường Nguyễn Văn Trị	26.500	18.600	15.900
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi			12.700	8.900	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			9.200	6.400	5.500
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			7.500	5.300	4.500
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			11.400	8.000	6.800
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn			8.300	5.800	5.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .					
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			6.800	4.800	4.100
85	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	42.000	29.400	25.200
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			16.800	11.800	10.100
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ .			11.200	7.800	6.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
88				9.500	6.700	5.700
89				15.100	10.600	9.100
90				10.100	7.100	6.100
91				8.600	6.000	5.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường Nguyễn Văn Trãi đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
92	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	31.600	22.100	19.000
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			12.700	8.900	7.600
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			9.800	6.900	5.900
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ .			7.500	5.300	4.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
96	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			11.400	8.000	6.800
97	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			8.800	6.200	5.300
98	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			6.800	4.800	4.100
99	Đường Hồ Văn Đại	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	36.800	25.800	22.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
100	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.000	9.800	8.400
101	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
102	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.600	3.900	3.400
103	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			12.600	8.800	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
104	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.400	5.200	4.400
105	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.000	3.500	3.000
106	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Ái Quốc	29.400	20.600	17.600
107	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			12.300	8.600	7.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
108	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			9.000	6.300	5.400
109	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.600	3.900	3.400
110	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			11.100	7.800	6.700
111	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> </ul>			8.100	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
112	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.000	3.500	3.000
113	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Ái Quốc	26.600	18.600	16.000
114	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			16.500	11.600	9.900
115	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.500	5.300	4.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
116	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.600	3.200	2.800
117	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900
118	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.800	4.800	4.100
119	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.100	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
120	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Hóa An	Hết ranh giới phường Trần Biên	33.800	23.700	20.300
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			17.600	12.300	10.600
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			10.800	7.600	6.500
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			6.800	4.800	4.100
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông			15.800	11.100	9.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	$\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			9.700	6.800	5.800
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			6.100	4.300	3.700
127	Đường 30 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã năm Biên Hùng	47.400	33.200	28.400
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			19.000	13.300	11.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
129	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			15.400	10.800	9.200
130	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			10.700	7.500	6.400
131	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			17.100	12.000	10.300
132	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> </ul>			13.900	9.700	8.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
133	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			9.600	6.700	5.800
134	Đường 30 tháng 4	Ngã năm Biên Hùng	Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông	41.500	29.100	24.900
135	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			16.600	11.600	10.000
136	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao</li> </ul>			11.800	8.300	7.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			8.900	6.200	5.300
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			14.900	10.400	8.900
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			10.600	7.400	6.400
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã			8.000	5.600	4.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
141	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	38.100	26.700	22.900
142	Đường Nguyễn Văn Trị	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Đường Phan Chu Trinh	38.100	26.700	22.900
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			19.000	13.300	11.400
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			12.100	8.500	7.300
145	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục			8.200	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.					
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			17.100	12.000	10.300
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			10.900	7.600	6.500
148	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m.			7.400	5.200	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
149	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	35.500	24.900	21.300
150	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			16.500	11.600	9.900
151	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			8.400	5.900	5.000
152	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			6.300	4.400	3.800
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			7.600	5.300	4.600
155	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			5.700	4.000	3.400
156	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	36.800	25.800	22.100
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			19.000	13.300	11.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
158				11.400	8.000	6.800
159				8.200	5.700	4.900
160				17.100	12.000	10.300
161				10.300	7.200	6.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.					
162	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			7.400	5.200	4.400
163	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Phan Đình Phùng	Ngã năm Biên Hùng	37.900	26.500	22.700
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			19.000	13.300	11.400
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao			10.700	7.500	6.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
166	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			7.700	5.400	4.600
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			17.100	12.000	10.300
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			9.600	6.700	5.800
169	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên			6.900	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>					
170	Đường Hưng Đạo Vương	Ngã năm Biên Hùng	Ga Biên Hòa	34.300	24.000	20.600
171	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			15.400	10.800	9.200
172	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			10.700	7.500	6.400
173	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> </ul>			7.700	5.400	4.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
174	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			13.900	9.700	8.300
175	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			9.600	6.700	5.800
176	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			6.900	4.800	4.100
177	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	29.200	20.400	17.500
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			10.200	7.100	6.100
180	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			6.300	4.400	3.800
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
182	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			9.200	6.400	5.500
183	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.700	4.000	3.400
184	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	39.300	27.500	23.600
185	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			19.000	13.300	11.400
186	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn</p>			12.700	8.900	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Văn Trì đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .					
187	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trì đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			8.900	6.200	5.300
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trì đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			17.100	12.000	10.300
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trì đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ .			11.400	8.000	6.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
190	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			8.000	5.600	4.800
191	Đường Phan Chu Trinh	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Đình Phùng	34.300	24.000	20.600
192	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			17.800	12.500	10.700
193	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			12.100	8.500	7.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
194	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
195	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			16.000	11.200	9.600
196	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.900	7.600	6.500
197	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao</li> </ul>			7.400	5.200	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
198	Đường Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	44.400	31.100	26.600
199	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			20.300	14.200	12.200
200	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			12.700	8.900	7.600
201	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</p>			8.900	6.200	5.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			18.300	12.800	11.000
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			11.400	8.000	6.800
204	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			8.000	5.600	4.800
205	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Nguyễn Văn Trị	38.100	26.700	22.900
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị			19.000	13.300	11.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>Hiện đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>					
207	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200m</math>.</li> </ul>			12.100	8.500	7.300
208	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200m</math>.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
209	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>			17.100	12.000	10.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
210	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.900	7.600	6.500
211	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.400	5.200	4.400
212	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	40.600	28.400	24.400
213	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			20.300	14.200	12.200
214	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách</p>			12.700	8.900	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>					
215	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			8.900	6.200	5.300
216	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			18.300	12.800	11.000
217	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> </ul>			11.400	8.000	6.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
218	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			8.000	5.600	4.800
219	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Trãi	38.100	26.700	22.900
220	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			19.000	13.300	11.400
221	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			12.100	8.500	7.300
222	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan</p>			8.200	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.					
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			17.100	12.000	10.300
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			10.900	7.600	6.500
225	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			7.400	5.200	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
226	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	38.100	26.700	22.900
227	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			20.300	14.200	12.200
228	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			12.100	8.500	7.300
229	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
230	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			18.300	12.800	11.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>					
231	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.900	7.600	6.500
232	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.400	5.200	4.400
233	Đường Quang Trung	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	34.300	24.000	20.600
234	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			17.800	12.500	10.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
235	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			11.400	8.000	6.800
236	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.600	5.300	4.600
237	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			16.000	11.200	9.600
238	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> </ul>			10.300	7.200	6.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
239	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.800	4.800	4.100
240	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Thánh Tôn	38.100	26.700	22.900
241	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			19.000	13.300	11.400
242	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			12.100	8.500	7.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
243	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			8.000	5.600	4.800
244	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			17.100	12.000	10.300
245	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.900	7.600	6.500
246	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao</li> </ul>			7.200	5.000	4.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
247	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	39.300	27.500	23.600
248	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			20.300	14.200	12.200
249	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			12.100	8.500	7.300
250	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			8.200	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
251	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			18.300	12.800	11.000
252	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			10.900	7.600	6.500
253	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			7.400	5.200	4.400
254	Đường Nguyễn Văn Nghĩa	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	29.200	20.400	17.500
255	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
256	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			7.500	5.300	4.500
257	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			5.300	3.700	3.200
258	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
259	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200m</math>.</li> </ul>			6.800	4.800	4.100
260	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200m</math>.</li> </ul>			4.800	3.400	2.900
261	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	29.200	20.400	17.500
262	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>			16.500	11.600	9.900
263	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			7.500	5.300	4.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
264				5.300	3.700	3.200
265				14.900	10.400	8.900
266				6.800	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
267	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			4.800	3.400	2.900
268	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Rạch Cát	Đường Võ Thị Sáu	35.700	25.000	21.400
269	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			16.100	11.300	9.700
270	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			9.800	6.900	5.900
271	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			6.900	4.800	4.100



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
276	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			17.900	12.500	10.700
277	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			11.200	7.800	6.700
278	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.800	5.500	4.700
279	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			16.100	11.300	9.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
280	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			10.100	7.100	6.100
281	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			7.000	4.900	4.200
282	Đường Nguyễn Thành Đồng	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái	29.200	20.400	17.500
283	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> </ul>			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
284	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.200	7.100	6.100
285	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.700	4.000	3.400
286	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
287	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			9.200	6.400	5.500
288	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐDC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐDC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.100	3.600	3.100
289	Đường Nguyễn Thành Phương	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐDC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐDC số 212 về bên trái	29.200	20.400	17.500
290	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐDC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số</p>			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.					
291	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			10.200	7.100	6.100
292	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			5.700	4.000	3.400
293	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>					
294	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200m</math>.</li> </ul>			9.200	6.400	5.500
295	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200m</math>.</li> </ul>			5.100	3.600	3.100
296	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hà Huy Giáp	46.500	32.600	27.900
297	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			21.000	14.700	12.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
298				13.500	9.500	8.100
299				8.200	5.700	4.900
300				18.900	13.200	11.300
301				12.200	8.500	7.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.					
302	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			7.500	5.300	4.500
303	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Giáp	Đường Phạm Văn Thuận	49.500	34.700	29.700
304	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			21.000	14.700	12.600
305	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao			13.500	9.500	8.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
306	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			9.000	6.300	5.400
307	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			18.900	13.200	11.300
308	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			12.200	8.500	7.300
309	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn			8.100	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.					
310	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	39.300	27.500	23.600
311	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			16.500	11.600	9.900
312	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			11.400	8.000	6.800
313	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m.			8.900	6.200	5.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
314	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			14.900	10.400	8.900
315	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			10.300	7.200	6.200
316	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			8.000	5.600	4.800
317	Đường Lữ Mạnh	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình)	Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa)	33.000	23.100	19.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
318	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			16.500	11.600	9.900
319	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			12.100	8.500	7.300
320	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			8.200	5.700	4.900
321	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
322	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			10.900	7.600	6.500
323	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			7.400	5.200	4.400
324	Đường Lữ Mạnh	Đường Trần Minh Trí	Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh	29.200	20.400	17.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
325	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			16.500	11.600	9.900
326	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			12.100	8.500	7.300
327	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			8.200	5.700	4.900
328	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
329	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			10.900	7.600	6.500
330	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mạnh đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.400	5.200	4.400
331	Đường Trần Minh Trí	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	35.500	24.900	21.300
332	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			17.800	12.500	10.700
333	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là</p>			11.400	8.000	6.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .					
334	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			7.600	5.300	4.600
335	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			16.000	11.200	9.600
336	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			10.300	7.200	6.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
337	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			6.800	4.800	4.100
338	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Hết ranh giới phường Trần Biên	44.400	31.100	26.600
339	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			17.800	12.500	10.700
340	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			10.800	7.600	6.500
341	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			7.600	5.300	4.600



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
345		Đường Nguyễn Tri Phương	Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	14.300	10.000	8.600
346	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			5.600	3.900	3.400
347	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.000	2.800	2.400
348	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			2.900	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
349	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			5.000	3.500	3.000
350	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			3.600	2.500	2.200
351	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>			2.600	1.800	1.600
352	Đường Đặng Đại Độ	Hết thửa đất số 56, tờ	Đường Đặng Văn Trơn	9.900	6.900	5.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)				
353	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			4.500	3.200	2.700
354	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.700	2.600	2.200
355	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
356	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			4.100	2.900	2.500
357	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			3.300	2.300	2.000
358	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐDC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			2.300	1.600	1.400
359	Đường Nguyễn Văn Hoa	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Võ Thị Sáu	26.600	18.600	16.000
360	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm			14.000	9.800	8.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
361	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			8.200	5.700	4.900
362	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			5.700	4.000	3.400
363	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			12.600	8.800	7.600
364	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ			7.400	5.200	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.					
365	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			5.100	3.600	3.100
366	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Võ Thị Sáu	Ranh phường Trán Biên	25.400	17.800	15.200
367	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trán Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			14.000	9.800	8.400
368	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trán Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m.			10.200	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
369	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			5.700	4.000	3.400
370	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			12.600	8.800	7.600
371	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			9.200	6.400	5.500
372	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trảng Biên</p>			5.100	3.600	3.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
373	Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa	Đường Đặng Văn Tron	Cầu Bửu Hòa	20.100	14.100	12.100
374	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			9.500	6.700	5.700
375	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			4.100	2.900	2.500
376	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê			3.100	2.200	1.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
377	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			8.600	6.000	5.200
378	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			3.700	2.600	2.200
379	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Tron đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao			2.800	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
380	Đường Đỗ Văn Thi	Đường Đặng Đại Độ	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron	23.700	16.600	14.200
381	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			10.700	7.500	6.400
382	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			5.600	3.900	3.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
383	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.900	2.700	2.300
384	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			9.600	6.700	5.800
385	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			5.000	3.500	3.000
386	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ			3.500	2.500	2.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
387	Đường Đỗ Văn Thi	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron	Sông Cái	19.000	13.300	11.400
388	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			8.300	5.800	5.000
389	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông			4.600	3.200	2.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>&gt;600m.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.  - Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>					
390	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.  - Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</p>			3.200	2.200	1.900
391	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			7.500	5.300	4.500
392	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</p>			4.100	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
393				2.900	2.000	1.700
394	Đường Đặng Văn Tron	Đường Đỗ Văn Thi	Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa	24.900	17.400	14.900
395				11.800	8.300	7.100
396				5.400	3.800	3.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
397	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.900	2.700	2.300
398	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			10.600	7.400	6.400
399	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.900	3.400	2.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
400	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.500	2.500	2.100
401	Đường Đặng Văn Tron	Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa	Sông Cái	21.300	14.900	12.800
402	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			9.500	6.700	5.700
403	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ .			4.600	3.200	2.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
404	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			3.600	2.500	2.200
405	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			8.600	6.000	5.200
406	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			4.100	2.900	2.500
407	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Tron đoạn từ</p>			3.200	2.200	1.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường nối từ đường Đặng Văn Tron đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
408	Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO)	Đường Trần Quốc Toản	Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO	12.700	8.900	7.600
409	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			7.600	5.300	4.600
410	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ .			4.900	3.400	2.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
411				3.800	2.700	2.300
412				6.800	4.800	4.100
413				4.400	3.100	2.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>&gt;600m.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.  - Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>					
414	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.  - Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			3.400	2.400	2.000
415	Đường D10 (khu dân cư D2D)	Đường Võ Thị Sáu	Đường N1 khu dân cư D2D	34.300	24.000	20.600
416	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.  - Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			16.600	11.600	10.000
417	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:  - Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p>			10.100	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
418	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.300	3.700	3.200
419	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900
420	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			9.100	6.400	5.500
421	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D</p>			4.800	3.400	2.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
422	Đường D9 (khu dân cư D2D)	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái	34.300	24.000	20.600
423	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			16.600	11.600	10.000
424	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao			10.100	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
425	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			5.300	3.700	3.200
426	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			14.900	10.400	8.900
427	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p>			9.100	6.400	5.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
428	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐDC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐDC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			4.800	3.400	2.900
429	Đường N1 (khu dân cư D2D)	Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205	34.300	24.000	20.600
430	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			16.600	11.600	10.000
431	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết</p>			10.100	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .					
432	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			5.300	3.700	3.200
433	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			14.900	10.400	8.900
434	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC			9.100	6.400	5.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.					
435	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐDC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐDC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			4.800	3.400	2.900
436	Đường Trần Công An	Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa)	Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm)	27.900	19.500	16.700
437	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			16.500	11.600	9.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
438	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tường niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.500	5.300	4.500
439	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tường niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.900	3.400	2.900
440	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tường niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.900	10.400	8.900
441	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tường niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			6.800	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
442	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tường niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.400	3.100	2.600
443	Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1)	Cầu An Hảo	Xa lộ Hà Nội	20.300	14.200	12.200
444	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			10.200	7.100	6.100
445	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> </ul>			6.600	4.600	4.000



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
450	Đường Trần Quốc Toản	Đường Vũ Hồng Phô	Cầu Ông Gia	25.400	17.800	15.200
451	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			12.700	8.900	7.600
452	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			7.700	5.400	4.600
453	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ .			4.900	3.400	2.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
454	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			11.400	8.000	6.800
455	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			6.900	4.800	4.100
456	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			4.400	3.100	2.600
457	Đường Trần Quốc Toàn	Cầu Ông Gia	Đường Lê Văn Duyệt	16.500	11.600	9.900
458	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Cầu Ông Gia			8.900	6.200	5.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
459	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			5.800	4.100	3.500
460	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			3.900	2.700	2.300
461	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			8.000	5.600	4.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
462	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.200	3.600	3.100
463	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.500	2.500	2.100
464	Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai)	Đường Lê Văn Duyệt	Xa lộ Hà Nội	17.800	12.500	10.700
465	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			10.200	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
466	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.600	4.600	4.000
467	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.300	3.000	2.600
468	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			9.200	6.400	5.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
469	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.900	4.100	3.500
470	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.900	2.700	2.300
471	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	Đường Trần Quốc Toản	Đường N9 (Khu dân cư An Bình)	20.300	14.200	12.200
472	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			10.200	7.100	6.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
473				6.600	4.600	4.000
474				4.800	3.400	2.900
475				9.200	6.400	5.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
476	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.900	4.100	3.500
477	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.300	3.000	2.600
478	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Trần Quốc Toản	Xa lộ Hà Nội	15.200	10.600	9.100
479	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông</li> </ul>			8.900	6.200	5.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	$\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
480	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			5.300	3.700	3.200
481	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			3.900	2.700	2.300
482	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .			8.000	5.600	4.800
483	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4			4.800	3.400	2.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.					
484	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			3.500	2.500	2.100
485	Đường Nguyễn Thông	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Vũ Hồng Phô	20.300	14.200	12.200
486	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			11.400	8.000	6.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
487	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.800	4.100	3.500
488	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.300	3.000	2.600
489	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			10.300	7.200	6.200
490	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			5.200	3.600	3.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
491	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.900	2.700	2.300
492	Xa lộ Hà Nội	Vòng xoay Tam Hiệp	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	28.600	20.000	17.200
493	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			11.200	7.800	6.700
494	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			6.700	4.700	4.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
495	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			5.000	3.500	3.000
496	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			10.100	7.100	6.100
497	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			6.000	4.200	3.600
498	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p>			4.500	3.200	2.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>					
499	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Vòng xoay Tam Hiệp	Quốc lộ 51	27.000	18.900	16.200
500	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			13.400	9.400	8.000
501	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.300	5.100	4.400
502	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.000	3.500	3.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
503	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			12.100	8.500	7.300
504	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			6.600	4.600	4.000
505	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			4.500	3.200	2.700
506	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long)	23.100	16.200	13.900
507	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường			14.600	10.200	8.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
508	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			6.700	4.700	4.000
509	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			4.000	2.800	2.400
510	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ .			13.100	9.200	7.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
511	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.000	4.200	3.600
512	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.600	2.500	2.200
513	Đường N4	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trần Biên	23.100	16.200	13.900
514	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết			14.600	10.200	8.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
515	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			6.700	4.700	4.000
516	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			4.000	2.800	2.400
517	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số			13.100	9.200	7.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	88, tờ BĐDC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
518	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐDC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐDC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			6.000	4.200	3.600
519	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐDC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐDC số 83 về bên trái, phường Trần Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			3.600	2.500	2.200
520	Đường 10	Đường Nguyễn Du	Đường D5 (khu dân cư Bửu Long)	23.100	16.200	13.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
521	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			14.600	10.200	8.800
522	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.700	4.700	4.000
523	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.000	2.800	2.400
524	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			13.100	9.200	7.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
525	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			6.000	4.200	3.600
526	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.600	2.500	2.200
527	Đường Võ Thị Tám	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐDC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐDC số 66	15.400	10.800	9.200
528	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐDC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất			9.000	6.300	5.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
529	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			4.400	3.100	2.600
530	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			3.400	2.400	2.000
531	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			8.100	5.700	4.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400m</math>.</li> </ul>					
532	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐDC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐDC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400m</math> đến <math>\leq 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200m</math>.</li> </ul>			4.000	2.800	2.400
533	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐDC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐDC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3m</math> đến <math>&lt; 5m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600m</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3m</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200m</math>.</li> </ul>			3.100	2.200	1.900
534	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Huỳnh Văn Lũy	Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	25.400	17.800	15.200
535	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn</p>			12.700	8.900	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $\leq 400m$ .					
536	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $\leq 200m$ .			7.900	5.500	4.700
537	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$ , cách đường giao thông $> 600m$ . - Có bề rộng $< 3m$ , cách đường giao thông $> 200m$ .			5.600	3.900	3.400
538	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$ , cách đường giao thông $\leq 600m$ .			11.400	8.000	6.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .					
539	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.100	5.000	4.300
540	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			5.000	3.500	3.000
541	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Trần Quốc Toản	26.600	18.600	16.000
542	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			12.700	8.900	7.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
543	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			7.600	5.300	4.600
544	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.600	3.200	2.800
545	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			11.400	8.000	6.800
546	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			6.800	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
547	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			4.100	2.900	2.500
548	Đường Trần Thị Hoa	Đường Nguyễn Thông	Đường Nguyễn Quốc Toản	19.000	13.300	11.400
549	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			10.700	7.500	6.400
550	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			6.200	4.300	3.700
551	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn</p>			4.500	3.200	2.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	<p>Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 200</math>m.</li> </ul>					
552	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</li> </ul>			9.600	6.700	5.800
553	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400</math>m đến <math>\leq 600</math>m.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</li> </ul>			5.600	3.900	3.400
554	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến <math>&lt; 5</math>m, cách đường giao thông <math>&gt; 600</math>m.</li> </ul>			4.100	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
555	Đường ven sông Đồng Nai	Cầu Hóa An	Giáp ranh phường Tân Triều	15.200	10.600	9.100
556	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông <math>\leq 400</math>m.</p>			7.600	5.300	4.600
557	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng <math>\geq 5</math>m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến <math>\leq 600</math>m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông <math>\leq 200</math>m.</p>			4.200	2.900	2.500
558	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ <math>\geq 3</math>m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt;200m.</p>			2.900	2.000	1.700
559	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn			6.800	4.800	4.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.					
560	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông từ $> 400$ m đến $\leq 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $\leq 200$ m.			3.800	2.700	2.300
561	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $> 600$ m. - Có bề rộng $< 3$ m, cách đường giao thông $> 200$ m.			2.600	1.800	1.600
562	Đường trục trung tâm	Đường Võ Thị Sáu	Đường Đặng Văn Tron	21.300	14.900	12.800
563	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5$ m, cách đường giao thông $\leq 600$ m. - Có bề rộng từ $\geq 3$ m đến $< 5$ m, cách đường giao thông $\leq 400$ m.			9.500	6.700	5.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
564	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 200\text{m}</math>.</li> </ul>			4.600	3.200	2.800
565	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng <math>&lt; 3\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 200\text{m}</math>.</li> </ul>			3.600	2.500	2.200
566	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>\leq 400\text{m}</math>.</li> </ul>			8.600	6.000	5.200
567	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bề rộng <math>\geq 5\text{m}</math>, cách đường giao thông <math>&gt; 600\text{m}</math>.</li> <li>- Có bề rộng từ <math>\geq 3\text{m}</math> đến <math>&lt; 5\text{m}</math>, cách đường giao thông từ <math>&gt; 400\text{m}</math> đến <math>\leq 600\text{m}</math>.</li> </ul>			4.100	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
568	<p>Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Tron có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông &gt; 200m.</p>			3.200	2.200	1.900
569	Đường ven sông Cái	Đường Hà Huy Giáp	Đường Trần Quốc Toản	15.200	10.600	9.100
570	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông ≤400m.</p>			7.600	5.300	4.600
571	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:</p> <p>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông &gt;600m.</p> <p>- Có bề rộng từ ≥3m đến &lt;5m, cách đường giao thông từ &gt;400m đến ≤600m.</p> <p>- Có bề rộng &lt;3m, cách đường giao thông ≤200m.</p>			4.200	2.900	2.500
572	<p>Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là</p>			2.900	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .					
573	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$ .			6.800	4.800	4.100
574	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$ .			3.800	2.700	2.300
575	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$ , cách đường giao thông $> 600\text{m}$ . - Có bề rộng $< 3\text{m}$ , cách đường giao thông $> 200\text{m}$ .			2.600	1.800	1.600
576	Đường D9	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Hoa	33.000	23.100	19.800

<b>TT</b>	<b>Tên đường giao thông</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Giá đất ở</b>	<b>Giá đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</b>
577	Đường Nguyễn Thị Giang	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	40.600	28.400	24.400
578	Đường Nguyễn Hiền Vương	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	36.800	25.800	22.100

